GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 12 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000729

Tên phòng ban: Department: Phòng Hành chính - Nhân sự	Người đề nghị: Hoàng Thị Yến	Ngày đề nghị: Request Date: 12/10/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 12/10/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1701.01.0010	Ghế băng	PS01-5	Cái		2.00	2	0	0	2.00	
Cộng/ToTal						**2.00**	**2**	**0**		**2**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 21 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000752

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sản xuất (vận hành)	Người đề nghị: Phạm Huy Tuấn	Ngày đề nghị: Request Date: 21/10/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 21/10/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1101.02.1346	Dây đo của đồng hồ đo cách điện / Measuring wire of insulation meter	Model 7122B	Bộ/Set	Thay thế dây đồng hồ cũ bị hỏng Change the old wire is broken	2.00	1	1	0	2.00	"Dây đo KYORITSU 7122B Measuring wire KYORITSU 7122B"
2	1101.02.1347	Dây đo của đồng hồ đo cách điện / Measuring wire of insulation meter	Model 7265	Bộ/Set	Thay thế dây đồng hồ cũ bị hỏng Change the old wire is broken	2.00	1	1	0	2.00	"Dây đo KYORITSU 7265 Measuring wire KYORITSU 7265"
3	1101.02.1348	Dây đo của đồng hồ đo cách điện / Measuring wire of insulation meter	Model 7264	Bộ/Set	Thay thế dây đồng hồ cũ bị hỏng Change the old wire is broken	2.00	1	1	0	2.00	"Dây đo KYORITSU 7264 Measuring wire KYORITSU 7264"
4	1101.02.1349	Dây đo của đồng hồ đo cách điện / Measuring wire of insulation meter	Model 7165A	Bộ/Set	Thay thế dây đồng hồ cũ bị hỏng Change the old wire is broken	2.00	1	1	0	2.00	"Dây đo Kyoritsu 7165A Measuring wire KYORITSU 7165A"
Cộng/ToTal						**8.00**	**4**	**4**		**8**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 23 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000757

Tên phòng ban: Department: Phòng Hành chính - Nhân sự	Người đề nghị: Hoàng Thị Yến	Ngày đề nghị: Request Date: 23/10/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 23/10/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư / Equipments ☐	Phụ tùng / Accessories ☐	Công cụ dụng cụ / Tools ☐	Dịch vụ / Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason: Sửa chữa sự cố : / Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : / Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao / Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.1465	Dây rửa xe / Car washing wire	Áp lực cao, bố thép 5 lớp, 50m	Cuộn/Roll		1.00	1	0	0	1.00	P.HCNS
Cộng/ToTal						**1.00**	**1**	**0**		**1**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 2 tháng 11 năm 2020

Số: DN2000774

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Lê Trường Ca	Ngày đề nghị: Request Date: 02/11/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 15/11/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1101.01.1261	Máy cắt plasma / Plasma cutting machine	CUT-160 (J47): JASIC: 3 pha AC 400V±15% 50/60 Hz: 30-160A (đầy đủ phụ kiện) trọng lượng: 46kg	Bộ/Set	Dụng cụ sửa chữa	3.00	2	1	0	3.00	Hãng Jasic
2	1101.01.1262	Mỏ cắt Plasma / Plasma cutting beak	AG60 loại 4M	Bộ/Set	Dụng cụ sửa chữa	4.00	2	2	0	4.00	Hãng Jasic
3	1401.02.0632	Bép cắt Plasma / Plasma cutting	TOPCUT 65-160A	Cái/Pcs	Thay thế khi cắt	30.00	20	10	0	30.00	
4	1101.02.1351	Bộ đục lỗ gioăng / Gaskets punching set	3-60mm/MOB PEDDINGHAUS D 4246300022 (8004609001)	Bộ/Set	Dụng cụ dùng chung	3.00	0	3	0	3.00	Hãng SX: Đức
5	1101.02.1278	Bộ bàn ren, ta rô	50750, Bao gồm 62 chi tiết: M3-M24	Bộ	Dụng cụ dùng chung	1.00	0	1	0	1.00	Ritter – Đức
6	1401.02.0633	Ống tuy ô thủy lực / Hydraulic rubber hose	DIN EN853 2SN 1/2" -8MAX WP 27.5Mpa (3988PSI) Meet SAE J 157100R2AT (1 đầu ren trong, 1 đầu ren ngoài M20, ren trong cút cong), ren ngoài cút thẳng (L =8m)	Cái/Pcs	Dự phòng van thủy lực	5.00	0	5	0	5.00	Bơm tuần hoàn
7	1101.02.1352	Thước lá / Tape measure	G-27651-25, Khoảng đo 0.03mm-1mm, 25 lá, chiều dài lá 150mm	Bộ/Set	Dụng cụ dùng chung	3.00	2	1	0	3.00	Nhật
8	1101.01.1264	Mỏ khò gia nhiệt / Heating torch	Model: DS-301, TYPE: M, L = 1000 mm	Bộ/Set	Dụng cụ dùng chung	2.00	0	2	0	2.00	TQ
9	1401.02.0634	Bạc dẫn hướng / Guide silver	Kích thước: Ø ngoài70x Ø trong50xL 65 (vật liệu: nhựa polime tổng hợp)	Cái/Pcs	Thay bơm hố đọng bình ngưng	6.00	1	5	0	6.00	TQ

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
10	1401.01.0863	Vành chèn cơ khí / Sealing ring	D3=50xd1=35xd6=44xd7=50,d8=3xd10=51,7,xL1k=42.5mm	Bộ/Set	Thay bơm nước nhà hóa	6.00	2	4	0	6.00	
11	1401.01.0864	Vành chèn cơ khí / Sealing ring	D3=40xd1=25xd6=34xd7=40,d8=3xd10=41,7,xL1k=40mm	Bộ/Set	Thay bơm nước nhà hóa	6.00	2	4	0	6.00	
12	1401.02.0641	Phao cơ chống tràn / Anti-spill buoy	Nối ống Phi 21, thân : đồng, bóng : nhựa, kết nối : Ren (bước ren Bs), cần nối : Inox.	Bộ/Set	Thay phao bể nước sinh hoạt	2.00	1	1	0	2.00	
Cộng/ToTal						**71.00**	**32**	**39**		**71**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 30 tháng 12 năm 2020

Số: DN2000785

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Mai Quý Ngữ	Ngày đề nghị: Request Date: 30/12/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 02/11/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0602.01.0132	Lọc khí nén / Compressed Air Filter	Max Press 0.15-1.5 Mpa, t = 0-170°F đầu nối ống ren 2 đầu, DN25	Cái/Pcs	Thay lọc khí nén hỏng hệ thống máy nén khí hút bụi hệ thống vận chuyển than.	10.00	3	7	0	10.00	
2	0602.01.0133	Van điều áp khí nén tay vặn / Pressure reducing valve	Max Press 0.15-1.5 Mpa, t = 0-170°F đầu nối ống ren 2 đầu, DN25	Cái/Pcs	Thay van điều áp hỏng hệ thống máy nén khí hút bụi hệ thống vận chuyển than.	5.00	1	4	0	5.00	
3	0602.01.0134	Ống mềm thủy lực / Hydraulic Hose Pipe	Ống thủy lực Bọc lưới inox 304, L=1000mm, 2 đầu cái, ép tuy ô 2 đầu, P=(350-400Bar)	Cái/Pcs	Thay ống mềm thủy lực hỏng	1.00	1	0	0	1.00	
4	0602.01.0135	Ống mềm thủy lực / Hydraulic Hose Pipe	Ống thủy lực Bọc lưới inox 304, L=300mm, 2 đầu cái, ép tuy ô 2 đầu, P=(350-400Bar)	Cái/Pcs	Thay ống mềm thủy lực hỏng	1.00	1	0	0	1.00	
5	0602.01.0136	Ống mềm thủy lực / Hydraulic Hose Pipe	Ống thủy lực Bọc lưới inox 304, L=500mm, 2 đầu cái, ép tuy ô 2 đầu, P=(350-400Bar)	Cái/Pcs	Thay ống mềm thủy lực hỏng	1.00	1	0	0	1.00	
6	0601.01.0037	Hộp giảm tốc / Gear unit	KA129-LEN112MH4E-L32NH IP56	Cái/Pcs	Dự phòng hộp giảm tốc di chuyển cầu trục bốc than ngoài cảng.	1.00	0	1	0	1.00	
7	1401.02.0642	Thép góc / Angle steel	Sus304, 20x20x2x6000mm	M	Gia công hộp đựng dụng cụ vời chữa cháy toàn nhà máy.	360.00	360	0	0	360.00	Yêu cầu mua sớm hoàn thiện phần an toàn theo đề nghị của phòng an toàn.

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
8	0602.02.0050	Khớp nối giảm chấn / Rubber buffer coupling	Z10-BC, MĐĐ	Cái/Pcs	Thay vòng bi khớp giãn nở giảm chấn máy đánh đống phá đống	6.00	2	4	0	6.00	
Cộng/ToTal						**385.00**	**369**	**16**		**385**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 3 tháng 11 năm 2020

Số: DN2000790

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Phạm Thị Tuyết Mai	Ngày đề nghị: 03/11/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 03/11/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0045	Gas	12kg	Bình/Bottle	Phục vụ PXSC / Repair shop service	20.00	0	20	2	20.00	
2	1201.02.0871	Khí Argon / Argon	40L-150Bar	Chai/Bottle	Phục vụ PXSC / Repair shop service	15.00	0	15	1	15.00	
3	1201.02.0346	Khí Ôxy / Oxygen		Chai/Bottle	Phục vụ PXSC / Repair shop service	100.00	0	100	23	100.00	
4	1201.02.1468	Giấy ráp vải / Cloth sandpaper	AA 400	M	Phục vụ PXSC / Repair shop service	40.00	0	40	0	40.00	
5	1401.02.0205	Băng dính cách điện / Insulation tape	Nano 10Y	Cuộn/Roll	Phục vụ PXSC / Repair shop service	500.00	0	500	70	500.00	
Cộng/ToTal						**675.00**	**0**	**675**		**675**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 3 tháng 11 năm 2020

Số: DN2000792

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Đồng Văn Đủ	Ngày đề nghị: Request Date: 03/11/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 03/12/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1002.01.0008	Dây đai / V-Belt	4PK-1380	Cái/Pcs	Dự phòng cho xe tưới nước nhỏ	2.00	1	1	0	2.00	Dự phòng cho xe tưới nước nhỏ
2	1004.01.0065	Săm / Inner tube	11.00R20	Bộ/Set	Thay thế săm cho xe tưới nước to	2.00	1	1	0	2.00	Thay thế săm cho xe tưới nước to
3	1001.01.0035	Lốc điều hòa xúc lật to LG855N/ Compressor	60100002594, 01010001/5H14 24V	Cái/Pcs	Hàng dự phòng cho xúc lật to LG855N	1.00	1	0	0	1.00	Hàng dự phòng cho xúc lật to LG 855N
Cộng/ToTal						**5.00**	**3**	**2**		**5**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 4 tháng 11 năm 2020

Số: DN2000795

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sản xuất (vận hành)	Người đề nghị: Trần văn Tám	Ngày đề nghị: Request Date: 04/11/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 04/11/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason: Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1101.01.1169	Bơm thùng phuy / Drum pump	Model: DR-SLS-10-U4A-S	Bộ/Set	Pha hóa chất xử lý nước lò	2.00	1	1	0	2.00	Ngày cần hàng 30/11
Cộng/ToTal						**2.00**	**1**	**1**		**2**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 4 tháng 11 năm 2020

Số: DN2000798

Tên phòng ban: Department: Phòng an toàn	Người đề nghị: Vũ Đức Anh	Ngày đề nghị: Request Date: 04/11/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 20/11/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1401.02.0643	Ejector hút nước / Absorbent ejector	1 đầu DN77; 1 đầu DN66	Cái/Pcs	Sử dụng cho xe chữa cháy	1.00	1	0	0	1.00	Cần gấp để phục vụ đợt kiểm tra nghiệp vụ PCCC 2/12/2020
2	1101.02.0933	Vòi chữa cháy	DN50, 17 bar, 20m	Cuộn	Sử dụng cho xe chữa cháy	10.00	10	0	0	10.00	Cần gấp để phục vụ đợt kiểm tra nghiệp vụ PCCC 2/12/2020
Cộng/ToTal						**11.00**	**11**	**0**		**11**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 5 tháng 11 năm 2020

Số: DN2000800

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Trương Hữu Hùng	Ngày đề nghị: 05/11/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 05/11/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.1345	Thép hộp mạ kẽm / Galvanized steel box	60x30x1.8, L=6m	M	Mở rộng nhà để xe cảng than	90.00	90	0	0	90.00	
2	1401.02.0653	Thép vuông đặc / Square steel bar	10x10mm	M	Mở rộng nhà để xe cảng than	6.00	6	0	0	6.00	
3	1401.02.0652	Tôn mạ màu / Prepainted galvanised steel	Tôn 7 sóng, màu xanh dương dày 0.6mm	M2	Mở rộng nhà để xe cảng than	136.08	136	0	0	136.08	Xem bảng kê chi tiết
4	1401.02.0447	Tôn mạ màu / Prepainted galvanized steel	Tôn phẳng, dày 0.45mm	M2	Mở rộng nhà để xe cảng than	7.50	8	0	0	7.50	Màu xanh dương. Xem bảng kê chi tiết
5	1401.02.0446	Tôn mạ màu / Prepainted galvanized steel	Tôn 6 sóng, dày 0.45mm	M2	Làm nhà chứa dầu mỡ và công cụ dụng cụ PXSC (khu vực lò 2)	96.00	96	0	0	96.00	Xem bảng kê chi tiết
Cộng/ToTal						**335.58**	**336**	**0**		**336**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 9 tháng 11 năm 2020

Số: DN2000806

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Đồng Văn Đủ	Ngày đề nghị: 09/11/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 09/12/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1101.01.1276	Máy trộn bê tông / Concrete mixer machine	Kích thước 950x950x1100, Dung tích thùng trộn: 250 lít, Nguồn điện 380V/ 3 Pha, V=30/ph, trục đứng	Bộ/Set	Công cụ, dụng cụ phục vụ sửa chữa vật liệu chịu lửa lò hơi	1.00	0	1	0	1.00	Công cụ, dụng cụ phục vụ sửa chữa vật liệu chịu lửa lò hơi
Cộng/ToTal						**1.00**	**0**	**1**		**1**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent